

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-PT

Ngày: 13-3-2019

V/v Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2019 về “*Kiện đòi tài sản*”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐ-PT ngày 22/02/2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ AM;

Trụ sở: Số 68A NVC, phường LS, Tp. BL, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Tổ L, sinh năm 1978. Chức vụ: Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Đ1 – Văn phòng luật sư TĐ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Công ty TNHH THP;

Trụ sở: Số 396 - NLB, Phường 2, thành phố ĐL;

Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Bích Th, sinh năm 1958. Chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1966.
Trú tại: Số 69 TrL, phường 4, Tp. ĐL (văn bản ủy quyền ngày 18/01/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư HHD – Văn phòng luật sư HHD thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Tuyết M;

Hiện đang thi hành án tại Tổ 10, phân trại 5, Trại giam XL, tỉnh ĐN.

- Viện kiểm sát nhân dân Tp. ĐL kháng nghị.

- Người kháng cáo: bị đơn Công ty TNHH THP.

(Bà H, luật sư Đ1, luật sư Đ có mặt; bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì :

Vào năm 2011, giữa Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ AM (viết tắt là Công ty AM) và Công ty TNHH THP (viết tắt là công ty THP) có thỏa thuận mua bán thép, không làm hợp đồng kinh tế. Theo thỏa thuận thì Công ty AM sẽ mua của công ty THP 200 tấn thép. Công ty AM đã chuyển tiền mua thép như sau:

Ngày 21/12/2011, bà Lê Thị Tố L chuyển tiền tại Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh BL với số tiền 999.500.000đ cho người nhận là Công ty THP; ngày 21/12/2011, bà Lê Thị Tố L chuyển tiền tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền là 90.000.000đ cho công ty THP; ngày 23/12/2011, bà Lê Thị Tố L chuyển tiền tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền 200.000.000đ cho người nhận là bà Hà Thị Kim Ph là kế toán của Công ty THP; ngày 24/12/2011, bà Lê Thị Tố L chuyển tiền tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Lâm Đồng số tiền 300.000.000đ cho người nhận là bà Hà Thị Kim Ph – Kế toán của Công ty THP và ngày 27/12/2011, Công ty AM chuyển tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hòa Ninh Lâm Đồng số tiền 1.390.000.000đ cho người nhận là công ty THP.

Tổng cộng, Công ty AM đã chuyển trả tiền mua hàng cho Công ty THP số tiền 2.979.500.000đ.

Đối với 500.000.000đ Công ty AM có chuyển cho bà Hà Thị Kim Ph vào các ngày 23 và 24 tháng 12 năm 2011 thì không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Sau khi Công ty AM chuyển tiền nhưng Công ty THP đã không chuyển thép cho Công ty AM. Nay Công ty AM yêu cầu Công ty THP trả lại số tiền gốc 2.479.500.000đ tương đương với số tiền mà Công ty AM đã chuyển cho Công ty THP.

Theo bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Phạm Thiện Hồng V thì:

Trước đây, Công ty THP là công ty hai thành viên. Tuy nhiên, khi bà Nguyễn Thị Tuyết M là người đại diện theo pháp luật bị kết án tù chung thân thì từ ngày 19/5/2017 bà Đỗ Thị Bích Th Là người đại diện theo pháp luật của Công ty THP. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty AM thì đến thời điểm hiện tại Công ty THP không lưu giữ bất kỳ tài liệu nào liên quan đến việc mua bán thép với Công ty AM. Khi làm việc tại Tòa án thì Công ty THP mới biết được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo nguyên đơn trình bày thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng về việc mua bán thép, không có chứng từ thể hiện việc mua bán thép giữa hai bên.

Ngoài ra, giữa Công ty AM và Công ty THP là hai pháp nhân nhưng khi chuyển tiền lại đứng tên cá nhân bà Lê Thị Tố L thì không có cơ sở để xem xét về việc mua bán thép. Riêng việc bà L chuyển tiền cho bà Hà Thị Kim Ph thì bà Phúc là kế toán của Công ty Phước Đại chứ không liên quan đến Công ty THP. Do vậy, Công ty THP không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty AM.

Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày thì:

Giữa Công ty THP và Công ty AM có ký Hợp đồng kinh tế vào năm 2011 (không nhớ rõ số, ngày, tháng, năm ký), Công ty AM có chuyển số tiền mua sắt thép nhiều lần (không nhớ cụ thể số tiền chuyển bao nhiêu). Sau khi ký hợp đồng mua bán sắt thép thì Công ty AM có lúc nhận hàng, có lúc hàng không có thì Công ty THP đã hoàn trả lại tiền cho Công ty AM. Năm 2011, bà Lê Thị Tố L đứng đại diện theo pháp luật của Công ty AM và một Công ty bà M không nhớ tên.

Nay bà L là người đại diện theo pháp luật của Công ty AM yêu cầu Công ty THP trả lại số tiền 2.479.500.000đ thì bà không đồng ý, vì Công ty THP đã chuyển trả lại cho bà L số tiền trên (bà là người ký séc ghi tên bà L là người trực tiếp nhận tiền và rút tiền, đi cùng có bà Hà Thị Kim Ph là kế toán của công ty). Bà M là người đại diện theo pháp luật của hai công ty là Công ty THP và công ty Phước Đại, nếu công ty THP không xuất hóa đơn thì Công ty Phước Đại sẽ xuất hóa đơn. Như vậy, mọi giao dịch giữa công ty THP và Công ty AM đã hoàn thành, giữa hai công ty không còn nợ gì nhau. Phía Công ty THP không đồng ý trả số tiền 2.479.500.000đ cho Công ty AM thì bà cũng đồng ý với ý kiến của Công ty THP, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án kinh doanh thương mại số 10/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại – dịch vụ AM về việc “Kiện đòi tài sản” đối với Công ty TNHH THP;

Buộc Công ty TNHH THP có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH thương mại – dịch vụ AM số tiền gốc là 2.479.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân Tp. ĐL ra Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 14/12/2018 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Tp. ĐL giải quyết lại theo quy định.

Ngày 14/12/2018, Công ty TNHH THP kháng cáo yêu cầu hủy Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân Tp. ĐL, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại - dịch vụ AM.

Ngày 21/01/2019, Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ AM có đơn xin rút đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Tp. ĐL. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại số 10/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện nhưng bị đơn không đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nên vụ án được xét xử theo quy định chung.

Nguyên đơn khởi kiện và cho rằng đã chuyển số tiền 2.479.500.000đ để mua thép vào tài khoản của bị đơn nhưng bị đơn không chuyển hàng cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền trên. Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Kiện đòi tài sản” là đúng pháp luật.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy rằng:

Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ AM đã chấm dứt tồn tại từ ngày 01/8/2012 theo Thông báo số 3588/12 ngày 01/8/2012 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, tại thời điểm khởi kiện thì Công ty AM không còn tư cách pháp nhân để tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ tình trạng hoạt động của Công ty AM đã thụ lý vụ án là vi phạm quy định tại Điều 68, 85 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 86, 96, 137, 140 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung:

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH THP thời điểm tháng 11/2011 là bà Nguyễn Thị Tuyết M. Theo lời khai của bà Lê Thị Tố L thì vào năm 2011 bà L thỏa thuận làm việc trực tiếp với bà M về việc mua bán thép giữa hai công ty. Bà M đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đang chấp hành án tù chung thân tại Trại giam XL – ĐN.

Ngày 27/11/2018, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành lấy lời khai của bà M về các giao dịch giữa Công ty THP và Công ty AM; ngày 30/11/2018, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử và đưa bà M tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; bà M có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt được Trại giam XL xác nhận ngày 27/11/2018 là hợp lệ. Song, do các chứng cứ làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án được thu thập trong hồ sơ còn thiếu và có nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xét xử để buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.479.500.000đ là chưa đúng các quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 43/2016/HSST ngày 29/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã nhận định: *“trong thời gian từ tháng 8/2011 đến tháng 7/2012, Nguyễn Thị Tuyết M cùng chồng là Hoàng Vũ Huy L1 đã sử dụng 04 pháp nhân gồm Công ty TNHH THP, Công ty PĐ, Công ty HL, Công ty MH đưa ra thông tin không có thật để tạo niềm tin thông qua việc ký kết hợp đồng mua bán thép xây dựng để chiếm đoạt tiền của Công ty HV và Công ty NhT”*. Do bà Nguyễn Thị Tuyết M và bà Lê Thị Tố L thỏa thuận về việc mua bán thép xây dựng vào thời điểm năm 2011 là cùng trong khoảng thời gian bà M thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các chủ thể khác. Theo lời trình bày của bà Lê Thị Tố L thì bà L và bà M thỏa thuận về việc mua bán thép nhưng khi bà L chuyển tiền thì bà M không giao thép cho bà L, hành vi này cũng tương tự như hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà M với Công ty NhT và Công ty HV nhưng hồ sơ

vụ án chưa thu thập chứng cứ làm rõ việc có hay không dấu hiệu hình sự của bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Theo bản án số 43/2016/HSST ngày 29/8/2016 thì bằng việc lợi dụng việc điều hành và chi phối 04 Công ty là Công ty TNHH THP, Công ty PD, Công ty HL, Công ty MH, bà M đã thực hiện việc chuyển tiền lòng vòng giữa các Công ty trên để rút tiền sử dụng cho mục đích cá nhân và các mục đích khác. Do đó, cần phải xem xét trách nhiệm trả các khoản tiền trên là trách nhiệm của cá nhân bà M hay trách nhiệm của Công ty TNHH THP.

Theo bà M trình bày thì giữa Công ty THP và Công ty AM có ký hợp đồng kinh tế vào năm 2011 (bà M không nhớ số, ngày hợp đồng). Công ty AM có chuyển số tiền mua bán sắt thép nhiều lần. Sau khi ký hợp đồng thì có lúc Công ty AM nhận hàng, có lúc có những mặt hàng không có thì Công ty THP đã hoàn trả lại tiền cho Công ty AM. Năm 2011, bà Lê Thị Tố L đứng đại diện theo pháp luật của hai Công ty là Công ty TNHH TM-DV AM và một công ty bà M không nhớ tên.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Công ty THP phải trả số tiền 2.479.500.000đ thì bà M không đồng ý vì bà M đã chuyển trả cho bà L số tiền trên; bà M ký séc ghi tên bà L là người trực tiếp nhận tiền và rút tiền có bà Hà Thị Kim Ph là kế toán của Công ty đi cùng; nhưng chứng cứ này cũng chưa được đối chất làm rõ để thể hiện việc bà M có chuyển trả tiền cho Công ty AM. Hơn nữa, đại diện Công ty THP là ông Phạm Thiện Hồng V cho rằng Công ty THP không biết các thỏa thuận với bà Lê Thị Tố L. Khi tiếp nhận điều hành Công ty THP thì bà Đỗ Thị Bích Th cũng không được bàn giao các khoản nợ trên. Như vậy, tất cả các vấn đề trên chưa được thu thập chứng cứ để làm rõ.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì mức án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đương sự phải nộp là 2.000.000đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ cho đương sự nộp số tiền 300.000đồng (bút lục số 149) là không đúng pháp luật.

Xét thấy, Tòa án nhân dân thành phố ĐL vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung vụ án còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL, để hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ.

[4] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án, bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2018/KDTM-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố ĐL giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho Công ty TNHH THP số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011745 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐL.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LD;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND Tp. ĐL;
- Chi cục THADS Tp. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân